

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung ứng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2025 - 2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ: Tổ 13, Phường Mường Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bà Đào Thị Huyền, Khoa dược, Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Tổ 13, Phường Mường Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên. Số điện thoại: 0916.893.369, email: khoaduocydctphcn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bà Đào Thị Huyền, Khoa dược Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Tổ 13, Phường Mường Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên. Số điện thoại: 0916.893.369.

- Nhận qua email: khoaduocydctphcn@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h ngày 14 tháng 5 năm 2025 đến trước 16h ngày 24 tháng 5 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa (phụ lục 01).

Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn. (Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể

chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “trương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu). Nhà thầu có quyền chào Quy cách đóng gói khác, miễn sao đáp ứng được khối lượng sử dụng theo mời thầu.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp hàng hóa: khoa Dược Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên.
Địa chỉ: Tổ 13, Phường Mường Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 24 tháng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

Báo giá theo mẫu *Phụ lục 2* đính kèm thông báo này.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý công ty, cơ quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Website BVYDCT- PHCN;
- Website muasamcong.mpi.gov.vn;
- Website chaogiattbyt.moh.gov.vn
- Lưu VT, KD.



BSCKII. Nguyễn Trọng Ninh



PHỤ LỤC 02
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm thư mời báo giá số: 189/TM-BVYDCT-PHCN ngày 13 tháng 05 năm 2025 của Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số ... /TM- BVYDCT-PHCN ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh) báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

ST T	Tên vật tư y tế- Sinh phẩm- Hóa chất	Thông số kỹ thuật/ thành phần	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Quy cách đón gói	Tên thươn g mại	Hãng / nước sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất sứ	Số lượng/Khố i lượng	Đơn giá VNĐ	Chi phí cho các dịch vụ liên quan VNĐ	Thuế phí, lệ phí (nếu có) VNĐ	Thàn h tiền VNĐ
1														
2														
...														
Tổng cộng (Đã bao gồm thuế, phí, lệ phí)														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

... , ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ NĂM 2025 – 2027 PHỤ LỤC 01

(Kèm theo thư mời số: /TM-BVYDCT-PHCN Ngày 13/5/2025 của Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên)

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
Phần I. Vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế				
1	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Kích thước 4 x 10cm, thân bàn chải cứng, đầu lông mềm. Đóng gói riêng lẻ.	cái	10
2	Băng dính 2 đầu	Kích thước: 20mm x 60mm. Thành phần: Nền miếng gạc bằng Viscose phủ lớp chống dính polyethylene đảm bảo an toàn cho vết thương, Nền miếng băng bằng vải polyamide, phủ keo oxid kẽm.	Miếng	11.000
3	Băng dính y tế	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm². Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng. Keo Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước: 5cm x 5m. .	Cuộn	130
4	Bông thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Tốc độ hút nước =< 5 giây.	Kg	830
5	Bơm tiêm insulin 1ml	- Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bơm gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim các cỡ 30Gx1/2" và 30Gx5/16". - Gioăng có núm. - Vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Cái	20.400
6	Bơm tiêm nhựa 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G.	Cái	1.000
7	Bơm tiêm nhựa 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Sản phẩm được tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái	200

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
8	Bơm tiêm nhựa 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G, 25G. Pít tông có khía bề gây dễ hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng giúp đuổi khí dễ dàng và đẩy hết thuốc khi tiêm.	Cái	2.000
9	Bơm tiêm nhựa 3ml	- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Pít tông có khía bề gây dễ hủy. - Sản phẩm được tiệt trùng	Cái	1.000
10	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G.	Cái	43.000
11	Cốc đựng mẫu 3ml	Ống được sản xuất bằng nhựa PP chất lượng cao, không chứa kim loại. không có nắp.	Túi	1
12	Cồn 90 độ	Hàm lượng Ethanol 90%. Dung tích ≥ 500 ml.	Chai	100
13	Chỉ không tiêu liền kim số 3/0	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 3/0 dài 75cm kim tam giác 3/8C 24.	Sợi	10
14	Chỉ phẫu thuật tổng hợp số 2/0, 3/0, 4/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0; 3/0; 4/0 dài 75 cm, kim tròn 26 mm 1/2C được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được cấu tạo bởi 100% polyglycolic Acid (PGA), được phủ Polycaprolactone và calcium stearate. Chỉ duy trì được sức căng trên 65% sau 2 tuần cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn CE	Sợi	90
15	Chỉ tiêu không kim các số	Chỉ tiêu không kim các số Dài chỉ (CM): 150	Sợi	100
16	Dây cho ăn các số	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh.	Cái	120
17	Dây hút nhớt	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP. Độ dài ≥ 500 mm. Khoá van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số.	Cái	200

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện. Đầu nối Luer Lock. Dây chất liệu PVC. Dây dài 75 cm.	Cái	40
19	Dây thở oxy các cỡ	Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi. - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gấp.	Bộ	100
20	Dây truyền dịch kim cánh bướm	Dây dẫn có chiều dài ≥ 1500 mm, cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao. Bộ phận điều chỉnh dòng chảy, kim xuyên nút chai sản xuất từ nhựa ABS nguyên sinh. Buồng đếm giọt thể tích ≥ 8.5 ml, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Kim hai cánh bướm. Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE.	Bộ	5.000
21	Dây truyền dịch kim thường	Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gấp khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1500 mm. Dây truyền dịch kèm kim thường. Đầu nối Luer lock. Có bầu cao su tiếp thuốc.	Bộ	1.000
22	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, tiệt khuẩn thiết bị, dụng cụ y tế	Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6. Thời gian đồ ra chậu ngâm: Tối đa 30 ngày nồng độ hoạt chất có tác dụng tối thiểu: 1,5%(w/w). Can ≥ 5 lít.	Can	20
23	Dung dịch rửa tay thường quy	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%.	Chai	700
24	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 73% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha- Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%.	Chai	1.300

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
25	Đè lưỡi gỗ sử dụng một lần	Được sản xuất từ gỗ tự nhiên Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm	Hộp	8
26	Đồng hồ Ô-xy	Tốc độ dòng chảy từ 1~15l/phút. Gồm: Dây thở oxy, mặt nạ oxy, bình tạo ẩm	Cái	1
27	Gạc cầu	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Được đóng gói Tiệt trùng.	Cái	8.000
28	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp vô trùng	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5g nước/1g gạc. Đạt tiêu chuẩn CE	Miếng	8.000
29	Găng tay kiểm tra các cỡ	Găng kiểm tra dùng trong y tế các cỡ S, M. - Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột. chống dính, không gây kích ứng da. - Độ dày tối thiểu 1 lớp ≥ 0,08mm; Chiều dài ≥ 240mm.	Đôi	40.000
30	Găng tay tiệt trùng các số	Bề dày: ≥ 0,18mm, Chiều dài: ≥ 280mm, các cỡ. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: ≥ 12,5N, Sau lão hóa: ≥ 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: ≥ 700%, Sau lão hóa: ≥ 550%. Lượng bột: ≥ 80mg/đôi.	Đôi	2.000
31	Gel bôi trơn	Trong suốt, không màu, không mùi. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Thành phần chính: Nước cất, Hydroxyethyl cellulose, glycerine, natri hydroxid, sodium benzoat. Giới hạn nhiễm khuẩn: Mẫu thử phải không có sự hiện diện của các vi khuẩn sau: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Candida albicans. Tổng số nấm trong 1g (ml) mẫu thử, nhỏ hơn 10 ¹ (CFU/g hoặc CFU/ml). Tổng số vi sinh vật hiếu khí: < 10 ² (CFU/g hoặc CFU/ml).	Tub	20

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
32	Gel điện tim	Sử dụng trong các điện cực chuẩn đoán kỹ thuật số. Không gây dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa chất dầu, không có chất formaldehyde và muối. Đặc biệt gel không có mùi hôi, không gây độc hại.	Chai	2
33	Gel siêu âm	Trong suốt, không màu hoặc màu xanh, dễ dàng tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Giới hạn nhiễm khuẩn: Mẫu thử phải không có vi khuẩn. Tổng số vi sinh vật hiếu khí: $< 10^2$ (CFU/g hoặc CFU/ml). Can ≥ 5 lít.	Can	50
34	Giấy điện tim	Giấy 3 căn kích thước 8.0 cm phù hợp với máy điện tim 3 căn.	Cuộn	100
35	Giấy in nhiệt 5 - 5,5 cm	Kích thước: 5 - 5,5cm x 30m	Cuộn	400
36	Giấy siêu âm	Kích thước 11cm x 20m, dùng cho máy siêu âm Sony.	Cuộn	100
37	Javen 12%	Can ≥ 30 lít	Lít	30
38	Kim cánh bướm	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30 cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp.	Cái	500
39	Kim cấy chỉ các cỡ	Các cỡ 0.7x57mm/ 0.7x63mm	Cái	1.000
40	Kim châm cứu các số	Kim châm cứu vô trùng các số loại dùng 1 lần. Kim đúc thép y tế không gỉ, dẫn điện tốt.	Cái	110.000
41	Kim chọc dò gây tê tuỷ sống các cỡ	Kim chọc dò tuỷ sống, thích hợp cho gây tê tuỷ sống. Chuôi kim trong suốt, có phản quang, có dấu hiệu nhận biết mặt vát hướng lên hoặc hướng xuống.	Cái	40

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
42	Kim lấy thuốc các số	Kim các số, Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Tiệt trùng	Cái	10.000
43	Kim luồn tĩnh mạch có cánh	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có bốn vạch căn quang trong cannulyn, catheter chất liệu FEP-Teflon. - Đầu kim 3 mặt vát (1 mặt vát trên, 2 mặt vát dưới), có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau, có mũ sắt bịt lại đầu kim sau khi sử dụng. - Màng kỵ nước có lỗ thoát khí ở chuỗi kim chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kích cỡ: 20G x 1 1/4" (1,1 x 33mm; tốc độ chảy 61 ml/ phút); 24G x 3/4" (0,7 x 19mm; Tốc độ chảy 22 ml/ phút); G22 (0.9 x 25 mm; tốc độ chảy 36ml/phút). - Đạt tiêu chuẩn CE	cái	300
44	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng.	Cái	46.000
45	Khí oxy trong bình	Bình khí nén 40 lít	Bình	8
46	Khí oxy trong bình	Bình khí nén 10 lít	Bình	16
47	Miếng dán cố định dây truyền	Lớp film Polyurethane trong suốt: Chống thấm nước và vi khuẩn, Quan sát được vùng tiêm và vùng da, Thông thoáng, Co giãn. Kích thước 6 x 7cm.	Miếng	3.000
48	Mũ phẫu thuật vô trùng	Vải không dệt polypropylen cao cấp, màu đồng đều, không loang bầm, ko dính tạp chất, không kích ứng da.	Cái	500
49	Natri clorid dùng ngoài	Dung dịch có nồng độ 0,9% chai ≥ 500 ml	Chai	400
50	Nước cất vô trùng	Can ≥ 5 lít.	Lít	1.000
51	Ống chống đông EDTA	Ống nghiệm nhựa PP hoặc tương đương, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%. Thành phần hóa chất: EDTA K2.	Cái	30.000

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
52	Ống chống đông Heparin	Ống nghiệm nhựa PP hoặc tương đương, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%. Thành phần hóa chất: Lithium Heparin dưới dạng hạt sương.	Cái	25.000
53	Ống nội khí quản các số	Bóng thể tích lớn áp lực thấp an toàn khi lưu lâu. Độ cong tương thích sinh học, có đường cản quang đậm dọc ống, nhãn an toàn. Các cỡ dùng cho trẻ sơ sinh, trẻ em, người lớn.	cái	5
54	Ống nghiệm thủy tinh	Chất liệu thủy tinh, các loại các cỡ.	Ống	2.000
55	Parafin	Dạng sáp	Kg	300
56	Phim XQ	- Kích thước 25x30cm, tương thích với máy in phim Drystar 5302. - Nền PET dày khoảng 168 µm, phủ lớp muối bạc nhạy nhiệt. - Tổng hàm lượng bạc của phim $\leq 1,0 \text{ g/m}^2$. - Độ dày quang học ≥ 3.2 . - Đạt các tiêu chuẩn CE hoặc FDA.	Hộp	5
57	Sonde Foley 2 nhánh các số	Sonde Foley 2 nhánh các số. Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không chứa DEHP. Vô trùng.	Cái	80
58	Sonde Nelaton các số	Ống dài $\geq 40\text{cm}$, bằng cao su. Đầu hờ với 2 lỗ bên giúp dẫn lưu tối đa.	Cái	80
59	Tay dao điện	Đầu 3 giác nối với dây dài 3m. Tay dao cấu tạo như cây viết với một đầu để lắp đầu dao mổ, trên thân tay dao có hai nút bấm tương ứng với hai chế độ cắt (CUT) và cầm máu đơn cực (COAG).	Cái	30

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
60	Tấm trải	Được làm nguyên liệu màng nylon HD, màu trắng trong, kích thước 100cm x 130cm. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được. tiệt. tru-ng.	Cái	30
61	Túi nước tiểu	Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm.	Bộ	60
62	Viên nén khử khuẩn	Viên sủi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium 50% kl/kl. pH 5.0-6.5 - 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24% trọng lượng 1 viên. - Dạng viên sủi tan nhanh trong nước	Hộp	250
63	Vòng cao su thắt trĩ	Độ chính xác tương đồng với kit thương mại khác $\geq 99.9\%$.	Cái	200
64	Phim Xquang kỹ thuật số (FUJIFIM) 20 x 25cm (8x10 inch)	Phim khô laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3.	Tờ	40
65	Ống nhựa thổi nồng độ cồn		Cái	3.000
66	Ống sample cup (có nắp)	Ống được sản xuất bằng nhựa PP chất lượng cao, không chứa kim loại. Sản phẩm trong, dễ dàng quan sát. Được thiết kế nắp liền thân, đạt độ kín cao khi đóng nắp. Trên thân ống có chia vạch rõ ràng. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	100
67	Bột tal	Túi 1 kg	Kg	50
68	Nhiệt kế	Gồm 2 phần: Phần cảm nhận nhiệt độ là bầu đựng thủy ngân và phần hiển thị kết quả là thang chia vạch.	Cái	10
69	Khăn lau khử khuẩn và làm sạch bề mặt trang thiết bị y tế	Thành phần: Didecyl Dimethyl Ammonium Chloride 0,5 % (w/w). Isopropanol 28 % (w/w).	Cái	20

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
70	Dung dịch khử khuẩn và làm sạch dụng cụ y tế	Quaternary ammonium propionate, Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt không ion, hỗn hợp 3 enzyme (protease, lipase, amylase), chất tạo hương, chất tạo màu, thành phần khác.	Can	15
71	Dung dịch tẩy rỉ và làm sáng bóng dụng cụ y khoa can 3.8 lít	Glycerol <10%, Caster Oil <10%, Silicon dioxide <30%.	Can	4
72	Dung dịch bôi trơn dụng cụ y tế chai xịt 710ml	Thành phần gồm: Butane, Propane, Isobutane, White mineral oil và Isopentane.	Can	5
73	Bon		Gam	4
74	Chất hàn Composite		Gam	4
75	Composite lỏng		Cái	4
76	Bầu lọc nước đầu vào cho ghế răng		Cái	16
77	Bay nhựa đánh GIC		Cái	2
78	Cán gương		Cái	10
79	Gương		Cái	10
80	Mũi khoan kim cương cho vít mini/ Maxi		Cái	20
81	Tăm bông composid (Dùng cho răng)	Hộp 100 cái	Cái	100
82	Cốc nhựa cứng		Cái	40

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
83	Kim nha khoa cỡ 27G	Kim sắc nhọn, sử dụng cho Nha Khoa. Sử dụng công nghệ cắt vát 2 lần làm cho đầu kim nhọn hơn, diện tích cắt qua mặt da nhỏ hơn, đỡ đau hơn. Được chế tạo bằng chất liệu đặc biệt, dễ dàng uốn cong 90° mà không bị gãy kim, không bị tắc kim. Cỡ kim: 27Gx13/16. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	100
84	Email Preparator	Là dạng lỏng 37% axit phosphoric. Lọ 6 gam.	Lọ	4
Phần II. Sinh phẩm chẩn đoán invitro				
85	Test nhanh chẩn đoán Morphin	Phát hiện morphin-heroin trên mẫu nước tiểu. Ngưỡng phát hiện 300 ng/ml. Độ chính xác > 99,9%; Độ nhạy >99% chính xác ở mức 50% trên và 50% dưới của nồng độ ngưỡng.	Test	2.000
86	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	Độ nhạy ≥ 98%, độ đặc hiệu ≥ 99%. Giới hạn phát hiện ≤ 0.1IU/ml. Thời gian đọc kết quả ≤ 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút. Không cần sử dụng dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương.	Test	200
87	Test phát hiện kháng thể virus HIV	Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu ≥ 99,75%, Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương ,	Test	100
88	Test thử đường huyết	Phù hợp với máy Sapphire Plus hoặc tương đương	Test	1.200
89	Test thử nước tiểu 11 thông số combostik	Các thông số đo được: Glu (Glucose), Pro (Protein)m, pH, Bld (Blood – máu), Ket (Ketone), Nit (Nitrite), Bil (Bilirubin), Uro (Urobilinogen), SG (Specific Gravity), Leu(Leukocytes), AsA (Ascorbic Acid).	Test	20.000

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
90	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch (HbA1C)	*Bộ xét nghiệm HbA1c (Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang khô) được dùng để đo định lượng HbA1c trong ống nghiệm trong máu toàn phần của người và máu đầu ngón tay dùng cho máy Lanson LS-1100 hoặc tương đương	Test	1.000
91	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch(TT3)	*Bộ xét nghiệm TT3 (Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang khô) dùng để định lượng in vitro TT3 toàn phần (Triiodothyronine) trong huyết thanh và huyết tương người ở điều kiện sinh lý bình thường	Test	200
92	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch(TT4)	*Bộ xét nghiệm TT4 (Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang khô) được dùng để đo định lượng trong ống nghiệm tổng số TT4(Thyroxine) trong huyết thanh và huyết tương người trong điều kiện vật lý bình thường	Test	200
93	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch (TSH)	*Bộ xét nghiệm TSH (Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang khô) được dùng để đo định lượng TSH (hormone kích thích tuyến giáp) trong huyết thanh và huyết tương người trong ống nghiệm	Test	200

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
94	Test ma túy tổng hợp 5 thành phần	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời 5 chất gây nghiện MOP/Codein/Heroin (6-MAM)/AMP/THC trong nước tiểu Nồng độ ngưỡng phát hiện MOP là 300 ng/mL; Codein là 300 ng/mL; Heroin (6-MAM) là 10 ng/mL; AMP là 1000ng/ml ; THC là 50 ng/ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và CE - Độ lặp lại $\geq 75\%$ chính xác ở mức $\pm 25\%$ cut-off ; 100% chính xác ở mức âm tính và $\pm 50\%$ cut-off Độ chính xác GC/MS: MOP $\geq 95\%$; AMP $\geq 98\%$; THC $\geq 98\%$; Heroin $\geq 98\%$; Codeine $\geq 95\%$ - Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức nồng độ cao, thấp, bình thường (1.005-1.045) không có ảnh hưởng đến kết quả của test. - Độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không làm thay đổi kết quả của test. - Không phản ứng chéo với các cơ chất Acetylsalicylic acid; Tetracycline - Thời gian đọc kết quả sau 5 phút nhưng không quá 10 phút. - Đóng gói riêng từng test, chất lượng, quy cách 25 test/hộp. - Nhiệt độ bảo quản 2-30 độ C - Xuất xứ: G7	Test	7.000
	Phần III: Hóa chất dùng cho máy Huyết học CX3			
95	Dung dịch pha loãng	* Thành phần hóa học: Natri Clorua: < 1,5% Chất đệm: < 1.0% Chất bảo quản: < 0.5% Chất ổn định: < 0.5% còn lại là nước không I-on	Hộp	25
96	Dung dịch phá vỡ hồng cầu 3 thành phần	* Thành phần hóa học: Chất hoạt động bề mặt: < 3.5% Chất đệm: < 1.0% Chất bảo quản: < 0.5% Chất ổn định: < 0.5% còn lại là nước không I-on	Hộp	18

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
97	Dung dịch rửa máy	* Thành phần hóa học: Chất tẩy rửa: <1% Chất đệm: < 1.0% Chất bảo quản: < 0.5% Chất ổn định: < 0.5% còn lại là nước không I-on	Hộp	20
98	Dung dịch rửa máy đậm đặc	* Thành phần hóa học: Chất tẩy rửa: < 1% Natri Hipoclorit: < 5.0% Natri Hydroxit: < 1,5% Chất ổn định: < 0,5%	Hộp	3
Phần IV: Hóa chất dùng cho máy Sinh hóa PS380				
99	Creatinine	* Thành phần hóa học: + R1: Sodium Hydroxide: ≤ 0.16 mol/l +R2: Picric acid: ≤ 4.0 mol/l. Hộp ≥ 500 ml	Hộp	13
100	Cholesterol	* Thành phần hóa học: Phenol: $\leq 2,4$ g/L Cholesterol esterase: >800 U/L Cholesterol oxidase : >250 U/L Peroxidase: >500 U/L 4-minoantipyrine: $\leq 0,08$ g/L PIPES (pH ≥ 6.9): $\leq 27,3$ g/L. Hộp ≥ 600 ml	Hộp	8
101	Dung dịch rửa máy	Thành phần: Sequestering agent content (alkalimetric): ≤ 8.5 -10%. Density (d 20°C/4°C) $\leq 1.05 - 1.09$. Free alkali (as NaOH) $\leq 1.5 - 2.5$ % Phosphate (PO ₄) ≤ 0.002 %.Hộp $\geq 2,5$ lít	Hộp	20

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
102	Dung dịch kiểm chuẩn mức trung bình	Hóa chất kiểm chuẩn (mức thường) cho các chất: Uric Acid, Albumin, GPT, GOT, Amylase, Total Bilirubin, Direct Bilirubin, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, Creatine, Cholinesterase, CK, CK-MB, Alkaline Phosphate, GGT, Fructosamine, Glucose, Iron, Lactate, LDH, Lipase, Lithium, Magnesium, Potassium, Total protein, Sodium, Triglycerides, Urea. Thành phần: chất kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người và chứa các thành phần vô cơ của người, động vật đã được tinh chế, kiểm tra âm tính với HBsAg, anti- HCV và anti HIV1+2. Hộp $\geq 30\text{ml}$	Hộp	6
103	Dung dịch kiểm chuẩn mức cao	Hóa chất kiểm chuẩn (mức cao) cho các chất: Uric Acid, Albumin, GPT, GOT, Amylase, Total Bilirubin, Direct Bilirubin, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, Creatine, Cholinesterase, CK, CK-MB, Alkaline Phosphate, GGT, Fructosamine, Glucose, Iron, Lactate, LDH, Lipase, Lithium, Magnesium, Potassium, Total protein, Sodium, Triglycerides, Urea. Thành phần: chất kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người và chứa các thành phần vô cơ của người, động vật đã được tinh chế, kiểm tra âm tính với HBsAg, anti- HCV và anti HIV1+2. Hộp $\geq 30\text{ml}$	Hộp	6
104	Glucose	* Thành phần hóa học: TRIS buffer (pH: 7,4): $\leq 27,9 \text{ g/L}$ Phenol: $\leq 28 \text{ mg/L}$ 4-Aminoantipyrine: $\leq 0,5 \text{ mg/L}$ Glucose Oxidase: $\leq 15 \text{ kU/L}$ Peroxidase: $\leq 1 \text{ kU/L}$. Hộp $\geq 600\text{ml}$	Hộp	13
105	GOT	* Thành phần hóa học: + R1: TRIS (pH: 7,80): $\leq 9.7 \text{ g/L}$ L-Aspartate: $>150 \text{ mmol/L}$ MDH: $> 500 \text{ U/L}$ LDH: $> 700 \text{ U/L}$ + R2: α -ketoglutarate: $\leq 1,54 \text{ g/L}$ NADH: $\leq 0,12 \text{ g/L}$. Hộp $\geq 500\text{ml}$	Hộp	10

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
106	GPT	* Thành phần hóa học: + R1: TRIS (pH: 7,80) : $\leq 12,1$ g/L L-Alanine: > 400 mmol/L LDH: > 1000 U/L + R2: α -ketoglutarate: $\leq 1,92$ g/L NADH: $\leq 0,12$ g/L.Hộp ≥ 500 ml	Hộp	10
107	Acid uric	* Thành phần hóa học: + R1: Phosphate (pH: ≥ 7.4): $\geq 4,7$ g/L 2-4 Dichlorophenol Sulfonate: $\geq 0,97$ g/L + R2 Peroxidase: ≤ 600 U/L Uricase: ≤ 50 U/L Ascorbate Oxidase: ≤ 180 U/L 4-Aminoantipyrine: $\geq 0,2$ g/L - Bước sóng phân tích: ≤ 520 nm.Hộp ≥ 500 ml	Hộp	4
108	Triglycerid	* Thành phần hóa học: Good's buffer (pH: 6.3): 50 mmol/L p-Chlorophenol: 0,25 g/L ATP: 0.05 g/L Peroxidase (POD): > 400 U/L Glycerolkinase (GK): > 400 U/L Lipoprotein lipase (LPL): > 120000 U/L 4-Aminoantipyrine: 0,02 g/L Glycerol-3-phosphate-oxidase: > 3000 U/L.Hộp ≥ 600 ml	Hộp	10
109	Urea UV	* Thành phần hóa học: + R1: TRIS (pH: 7,80) : ≤ 9.7 g/L 2-Oxoglutarate : $\leq 0,87$ g/L Urease : > 70000 U/L + R2 NADH : $\leq 0,21$ g/L GLDH : > 50000 U/L.Hộp ≥ 500 ml	Hộp	13
Tổng cộng (I + II + III + IV):		109 Khoản		